

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 12 - 2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hiền và ông Phan Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai H, sinh năm 1959; số CCCD: 044059013588; nơi cư trú: Xóm G, thôn G, xã L, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Á, sinh năm 1962; số CCCD: 044162006396; nơi cư trú: Thôn P, xã L, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: C15.19 chung cư Bộ C, số H đường số C, phường A, TP Hồ Chí Minh; có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai H trình bày (BL: 01,23):*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Á tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/01/1998 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã L, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì khoảng năm 1999 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cho nên bà Á đã đưa con về nhà ông, bà ngoại sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện tại vợ chồng ông, bà đã sống ly thân nhau đã 26 năm, tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, cho nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Á. Do bản thân bị khuyết tật nặng về mắt nên việc đi lại khó khăn ông, vì vậy ông đề nghị được xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 người con chung là Mai Minh T, sinh ngày 25/9/1998; hiện nay con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 29/10/2025, bị đơn bà Trần Thị Á trình bày:* Bà đồng ý ly hôn với ông H theo yêu cầu khởi kiện của ông H mà Tòa án đang giải quyết. Vì lý do đang sinh sống, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên bà không có điều kiện đến Tòa án để giải quyết vụ việc, cho nên bà đề nghị giải quyết vắng mặt. Đối với con chung Mai Minh T đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định nên bà không yêu cầu xem xét. Về tài sản chung không có gì, nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 27/10/2025, anh Mai Minh T trình bày:* Anh là con đẻ của ông Mai H và bà Trần Thị Á. Hiện tại bố anh bị mất thị lực đang sinh sống cùng anh, còn mẹ đang sinh sống, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và anh biết được sự việc bố mẹ đều có nguyện vọng được ly hôn nhau. Bố mẹ chỉ có một người con duy nhất là anh; còn về tài sản chung của bố mẹ thì không có gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Quảng Trị, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự và trích lục kết hôn số: 131/TLKH, ngày 09/4/2025 của UBND xã L, tỉnh Quảng Trị đã có đủ căn cứ xác định ông Mai H và bà Trần Thị Á có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/1998 (BL:05), cho nên hôn nhân của các đương sự là tự nguyện và hợp pháp. Tuy nhiên, về đời sống hôn nhân các bên đương sự đều thừa nhận đời sống vợ chồng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên bà Á đã bỏ về nhà ngoại sinh sống từ năm 1999 cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại các bên sinh sống mỗi người mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, bỏ mặc nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn nhau. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của các bên đương sự thực sự phai nhạt, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, cho nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Á là có căn cứ và phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cho nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận có 01 con chung Mai Minh T, sinh ngày 25/9/1998. Hiện tại con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên các đương sự đều không có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Mai H đối tượng người bị khuyết tật nặng, nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 153, 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Mai H được ly hôn bà Trần Thị Á.
2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn ông Mai H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 4, Quảng Trị;
- Phòng THADS Khu vực 4, Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Trung Thành